CÔNG TY CP PTHT VÀ BĐS THÁI BÌNH DƯƠNG

31/21 KHA VẠN CÂN , KP5, HBC, THỦ ĐỨC

Mẫu số B 01 - DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC- ngày 20/03/2006 của BTC)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31/03/2010

Đơn vị tính : VN đồng

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/3/2010	1/1/2010
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100) =110+120+130+140+150	**100**		**491.111.905.815**	**464.805.450.800**
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**		**15.599.605.585**	**7.876.085.863**
1. Tiền	111	V01	15.599.605.585	7.876.085.863
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	**120**	**V02**	**1.331.183.700**	**1.656.034.100**
1. Đầu tư ngắn hạn	121		2.680.000.000	2.680.000.000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)	129		(1.348.816.300)	(1.023.965.900)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	**130**		**237.402.711.381**	**231.609.381.561**
1.Phải thu của khách hàng	131		143.671.224.338	157.467.172.140
2. Trả trước cho người bán	132		83.373.652.939	63.833.759.187
5. Các khoản phải thu khác	135	V03	10.357.834.104	10.308.450.234
IV. Hàng tồn kho	**140**		**181.909.340.650**	**185.657.399.680**
1. Hàng tồn kho	141	V01	181.909.340.650	185.657.399.680
V. Tài sản ngắn hạn khác	**150**		**54.869.064.499**	**38.006.549.596**
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1.134.519.945	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		4.560.192.065	2.909.801.697
3. Tài sản ngắn hạn khác	158		49.174.352.489	35.096.747.899
B- TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+240+250+260)	**200**		**65.823.962.217**	**54.526.685.258**
I- Tài sản cố định	**220**		**46.354.902.375**	**39.359.641.014**
1. Tài sản cố định hữu hình	**221**	**V08**	**35.134.528.382**	**34.589.841.014**
a. Nguyên giá	222		39.045.550.822	37.660.834.504
b. Giá trị hao mòn luỹ kế	223		(3.911.022.440)	(3.070.993.490)
2. Tài sản cố định vô hình	**227**	**V10**	**4.769.800.000**	**4.769.800.000**
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	**230**	**V11**	**6.450.573.993**	-
II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	**250**		**8.882.168.371**	**9.273.476.220**
1. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		8.882.168.371	9.273.476.220
III. Tài sản dài hạn khác	**260**		**10.586.891.471**	**5.893.568.024**
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V14	10.586.891.471	5.893.568.024
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	**270**		**556.935.868.032**	**519.332.136.058**

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/3/2010	1/1/2010
A. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 320)	**300**		**321.699.741.846**	**288.512.239.061**
I. Nợ ngắn hạn	**310**		**273.234.031.560**	**259.160.364.061**
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V15	173.840.938.323	125.492.981.088
2. Phải trả người bán	312		36.691.180.866	30.124.273.631
3. Người mua trả tiền trước	313		42.590.308.887	80.432.745.592
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V16	8.227.836.061	7.247.361.455
5. Phải trả người lao động	315		1.646.426.769	1.934.959.784
6. Chi phí phải trả	316		1.570.610.985	-
7. Phải trả nội bộ	317	V17		-
9. Các khoản phải trả và phải nộp ngắn hạn khác	319	V18	7.286.784.226	13.413.574.853
10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	320		1.379.945.443	514.467.658
II. Nợ dài hạn	**330**		**48.465.710.286**	**29.351.875.000**
1. Vay và nợ dài hạn	334	V20	36.841.619.920	29.351.875.000
2. Doanh thu chưa thực hiện	338		11.624.090.366	-
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410+420)	**400**		**235.236.126.186**	**230.819.896.997**
I. Vốn chủ sở hữu	**410**		**235.236.126.186**	**230.819.896.997**
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V22	100.147.530.000	100.147.530.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		64.808.506.000	64.808.506.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		33.538.148.384	33.538.148.384
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		15.572.787.888	5.647.487.275
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		5.007.376.500	2.004.673.064
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		16.161.777.414	24.673.552.274
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	**430**		-	-
1. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	431		-	
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (430=300+400)	**440**		**556.935.868.032**	**519.332.136.058**

Lập ngày 15 tháng 05 năm 2010

NGƯỜI LẬP	KẾ TOÁN TRƯỞNG	GIÁM ĐỐC
Phạm Thị Lan Hương	Đỗ Thị Thúy Hà	PHẠM ĐỨC TẤN

CÔNG TY CP PTHT & BĐS THÁI BÌNH DƯƠNG
31/21 Kha Vạn Cân, KP5, HBC , Thủ Đức

Mẫu số B 02 - DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
QUÝ 1 NĂM 2010

Đơn vị tính : VNĐ

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/3/2010	31/3/2009
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	24	61.856.755.034	16.515.770.682
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	03	24		
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp	10	24	61.856.755.034	16.515.770.682
dịch vụ (10=01-02)				
4. Giá vốn hàng bán	11	25	52.935.122.261	15.838.857.784
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		**8.921.632.773**	**676.912.898**
(20=10-11)				
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	24	500.689.055	124.376.868
7. Chi phí tài chính	22	26	987.543.192	226.750.000
Trong đó : Chi phí lãi vay	23		628.615.262	
8. Chi phí bán hàng	24		240.566.345	
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		2.246.511.078	423.394.933
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		**5.947.701.213**	**151.144.833**
[30 = 20 + (21-22) - (24+25)				
11. Thu nhập khác	31		1.673.958.401	14.815.091
12. Chi phí khác	32		601.235.860	21.054.151
13. Lợi nhuận khác	40		**1.072.722.541**	**(6.239.060)**
14. Thu nhập từ công ty liên kết, liên doanh			**165.391.937**	
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		**7.185.815.691**	**144.905.773**
(50 = 30 +40)				
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành			1.755.105.939	15.279.254
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại				
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	28	**5.430.709.752**	**129.626.519**
(60 = 60 - 51)				
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		542	13

Lập, ngày 15 tháng 5 năm 2010

NGƯỜI LẬP BIỂU	KẾ TOÁN TRƯỞNG	TỔNG GIÁM ĐỐC
	Võ Thị Thúy Hà	PHẠM ĐỨC TẤN

CÔNG TY CP PTHT & BĐS THÁI BÌNH DƯƠNG

31/21 KHA VẠN CÂN, HIỆP BÌNH CHÁNH, THỦ ĐỨC

Mẫu số B01- DN

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ TC

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Quý 1 năm 2010 (Theo phương pháp gián tiếp)

Đơn vị tính : VNĐ

Chỉ tiêu	MS	TM	Quý 1 năm 2010	Quý 1 năm 2009
1	2	3	4	5
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	**01**		**7.185.815.691**	**144.905.773**
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao	02		840.028.950	267.749.160
- Các khoản dự phòng	03		324.850.400	226.750.000
- (Lãi)/ lỗ từ hoạt động đầu tư	05		354.723.838	671.208.826
- Chi phí lãi vay	06		628.615.262	
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn			**9.334.034.141**	**1.310.613.759**
lưu động	08			
- (Tăng)/giảm các khoản phải thu	*09*		(21.328.725.760)	(64.813.008.040)
- (Tăng)/giảm hàng tồn kho	10		3.748.059.030	(12.630.026.414)
- Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải	11		(24.445.818.459)	11.188.858.114
trả, thuế thu nhập phải nộp)				
- (Tăng)/giảm chi phí trả trước	12		(5.827.843.392)	(1.555.064.762)
- Tiền lãi vay đã trả	13		(628.615.262)	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(1.067.566.431)	(3.777.406.000)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15			257.272.942
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(99.000.000)	(805.585.694)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	***20***		**(40.315.476.133)**	***(70.824.346.095)***
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(7.835.290.311)	(1.060.204.177)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22			

1	2	3	4	5
3. Tiền chi cho vay mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23			
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24			
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25			(838.905.000)
6.Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26			
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		36.584.011	124.376.868
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	***30***		***(7.798.706.300)***	***(1.774.732.309)***
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1, Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	*31*			20.000.000.000
2. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	*33*		72.989.744.920	49.092.878.675
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	*34*		(17.152.042.765)	(2.530.000.000)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	*36*			
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính	***40***		**55.837.702.155**	**66.562.878.675**
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)	**50**		**7.723.519.722**	**(6.036.199.729)**
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	**60**		**7.876.085.863**	**25.586.490.069**
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61			
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)	**70**	**29**	**15.599.605.585**	**19.550.290.340**

Lập, ngày 15 tháng 05 năm 2010

NGƯỜI LẬP BIỂU	KẾ TOÁN TRƯỞNG	TỔNG GIÁM ĐỐC
Phạm Thị Lan Hương	Tô Thị Thúy Hà	PHẠM ĐỨC TẤN

COÂNG TY CP PTHT & BÑS THAÙI BÌNH DÖÔNG

Maãu soá B 01 - DN

Ban haønh theo QÑ soá 15/2006/QÑ-BTC ngaøy 20/3/2006 cuûa Boä tröôûng BTC)

BAÛN THUYEÁT MINH BAÙO CAÙO TAØI CHÍNH HÔÏP NHAÁT

Quyù 1 Naêm 2010

I- Ñaëc ñieåm hoaït ñoäng cuûa doanh nghieäp

Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng và Bất động sản Thái Bình Dương giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0303614496 . Maõ soá thueá 0303614496 .

Ngành nghề kinh doanh :

- Kinh doanh nhà
- Định giá , tư vấn, môi giới, quảng cáo, đấu giá, quản lý bất động sản .
- Sàn giao dịch bất động sản .
- Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng khu dân cư, khu công nghiệp, khu đô thị .
- Xây dựng các công trình giao thông, công nghiệp, dân dụng, thủy lợi, điện .
- Sản xuất mua bán vật liệu xây dựng .
- Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng khu dân cư, khu công nghiệp
- Mua bán vật tư thiết bị phục vụ ngành giao thông vận tải
- Thí nghiệm vật liệu, kiểm tra chất lượng công trình không do công ty thi công . Giaùm saùt thi coâng xaây döïng coâng trình giao thoâng (caàu, ñöôøng boä) .
- Thieát keá kieán truùc coâng trình. Thieát keá qui hoaïch chi tieát xaây döïng .
- Sửa chữa phương tiện xe máy, thiết bị thi công, gia công cơ khí
- Kinh doanh khách sạn, nhà nghỉ, dịch vụ ăn uống (không saûn xuaát vaät lieäu xaây döïng, sôn haøn, xi maï ñieän, gia coâng cô khí , kinh doanh khaùch saïn, nhaø nghæ, aên uoáng taïi truï sôû) .
- Troàng luùa , ngoâ, caây löông thöïc coù haït, rau ñaäu, hoa, caây caûnh, caây aên quaû. Troàng luùa vaø chaêm soùc röøng . Khai thaùc goã .
- Ñaïi lyù du lòch. Ñieàu haønh tour du lòch . Dòch vuï hoã trôï lieân quan ñeán quaûng baù vaø toå chöùc tour du lòch . Ñaïi lyù baùn veù maùy bay .

- Ñòa chæ truï sôû chính : 31/21 Kha Vaïn Caân , Phöôøng Hieäp Bình Chaùnh, Quaän Thuû ñöùc

- Voán ñieàu leä : 150.000.000.000 ñ (Moät traêm naêm möôi tyû ñoàng) . Voán thöïc goùp ñeán

thôøi ñieåm 31/3/2010 laø 100.147.530.000 ñ .

II/. KYØ KEÁ TOAÙN , ÑÔN VÒ TIEÀN TEÄ SÖÛ DUÏNG TRONG KEÁ TOAÙN

2.1 Kyø keá toaùn : töø ngaøy 01/01 vaø keát thuùc vaøo ngaøy 31/3 naêm döông lòch

2.2 Ñôn vò tieàn teä söû duïng trong ghi cheùp keá toaùn laø : ñoàng Vieät nam (VND)

III. CHUAÅN MÖÏC VAØ CHEÁ ÑOÄ KEÁ TOAÙN AÙP DUÏNG

3.1 Cheá ñoä keá toaùn aùp duïng

Coâng ty aùp duïng cheá ñoä keá toaùn doanh nghieäp ban haønh theo quyeát ñònh soá 15/2006/QÑ-BTC ngaøy 20/3/2006 cuûa Boä tröôûng Boä Taøi chính .

3.2 Tuyeân boá veà vieäc tuaân thuû chuaån möïc keá toaùn vaø cheá ñoä keá toaùn : Coâng ty ñaõ aùp duïng caùc chuaån möïc keá toaùn Vieät nam vaø caùc vaên baûn höôùng daãn chuaån möïc do Nhaø nöôùc ban haønh . Caùc baùo caùo taøi chính ñöôïc laäp vaø trình baøy theo ñuùng qui ñònh cuûa töøng chuaån möïc, thoâng tö höôùng daãn thöïc hieän chuaån möïc vaø cheá ñoä keá toaùn hieän haønh ñang aùp duïng .

3.3 Hình thöùc keá toaùn aùp duïng : Chöùng töø ghi soå

IV. CAÙC CHÍNH SAÙCH KEÁ TOAÙN CHUÛ YEÁU AÙP DUÏNG :

4.1 Nguyeân taéc ghi nhaän caùc khoaûn tieàn vaø caùc khoaûn töông ñöông tieàn

Tieàn vaø caùc khoaûn töông ñöông tieàn bao goàm tieàn maët taïi quyõ, tieàn göûi ngaân haøng, caùc khoaûn ñaàu tö ngaén haïn coù thôøi haïn goác khoâng quaù ba thaùng , coù tính thanh khoaûn cao, coù khaû naêng chuyeån ñoåi deã daøng thaønh caùc löôïng tieàn xaùc ñònh vaø khoâng coù nhieàu ruûi ro trong chuyeån ñoåi thaønh tieàn .

Nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch bình quân liên Ngân hàng do Ngân hàng nhà nước công bố tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng nhà nước Việt Nam công bố vào ngày kết thúc niên độ kế toán.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối năm được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính.

4.2 Nguyeân taéc ghi nhaän haøng toàn kho

Haøng toàn kho ñöôïc ghi nhaän theo giaù thaáp hôn giöõa giaù voán hieän taïi vaø giaù trò thuaàn coù theå thöïc hieän ñöôïc . Giaù trò thuaàn coù theå thöïc hieän ñöôïc laø giaù baùn öôùc tính tröø chi phí baùn haøng öôùc tính vaø sau khi ñaõ laäp döï phoøng cho haøng hö hoûng, loãi thôøi vaø chaäm luaân chuyeån . Coâng ty aùp duïng phöông phaùp keâ khai thöôøng xuyeân ñeå haïch toaùn haøng toàn kho vôùi giaù trò xaùc ñònh theo phöông phaùp bình quaân gia quyeàn.

4.3 Nguyeân taéc ghi nhaän vaø khaáu hao taøi saûn coá ñònh

Taøi saûn coá coá ñònh cuûa Coâng ty ñöôïc haïch toaùn theo nguyeân giaù, khaáu hao, vaø giaù trò coøn laïi . Nguyeân giaù bao goàm giaù mua coäng chi phí vaän chuyeån, laép ñaët .

Khấu hao tài sản cố định của công ty được thực hiện theo phương pháp đường thẳng trong suoát thôøi gian öôùc tính höõu ích cuûa taøi saûn nhö sau :

- Nhà cửa vật kiến trúc 10 – 25 năm
- Máy móc thiết bị 6 – 12 năm
- Phương tiện vận tải , truyeàn daãn 6 – 10 năm
- Coâng cuï duïng cuï quaûn lyù, taøi saûn khaùc 2 – 6 năm

4.4 Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo nguyeân giaù . Bất động sản đầu tư được tính, trích khấu hao như TSCĐ khác của công ty.

4.5 Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được ghi nhaän theo giaù goác. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con, công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

4.6 Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí phát sinh trong naêm ngoaïi tröø caùc khoaûn ñöôïc voán hoùa do chi phí ñi vay liên quan trực tiếp đñến việc mua saém, xaây döïng hoaëc hình thaønh moät taøi saûn cuï theå ñöôïc voán hoùa vaøo nguyeân giaù taøi saûn .

4.7 Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Caùc khoaûn chi phí thöïc teá ñaõ phaùt sinh nhöng chöa ñöôïc tính vaøo chi phí saûn xuaát , kinh doanh cuûa kyø phaùt sinh vaø vieäc keát chuyeån caùc khoaûn chi phí naøy vaøo chi phí saûn xuaát , kinh doanh cuûa caùc kyø keá toaùn sau trong moät naêm taøi chính hoaëc moät chu kyø kinh doanh .

Chi phí traû tröôùc ngaén haïn laø nhöõng khoaûn chi phí thöïc teá phaùt sinh nhöng coù lieân quan tôùi hoaït ñoäng saûn xuaát, kinh doanh cuûa nhieàu kyø haïch toaùn trong moät naêm taøi chính hoaëc moät chu kyø kinh doanh neân chöa theå tính heát vaøo chi phí saûn xuaát, kinh doanh trong kyø phaùt sinh maø ñöôïc tính vaøo hai hay nhieàu kyø keá toaùn tieáp theo.

4.8 Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được tính trước vào chi phí trả trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh kỳ này cho các đối tượng chịu chi phí để đảm bảo khi các khoản chi trả phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất, kinh doanh . Việc hạch toán các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ phải thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ.

4.9 Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) chi phí thueá TNDN cuûa naêm nay vaø các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

4.10 Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích và gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thi doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyến, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia, được ghi nhận khi công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Thu nhập khác bao gồm các khoản thu từ các hoạt động xảy ra không thường xuyên , ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu gồm :

- Thu về thanh lý TSCĐ, nhượng bán TSCĐ
- Thu tiền phạt khách hàng do phi phạm hợp đồng
- Thu tiền bảo hiểm được bồi thường
- Thu được các khoản nợ phải thu đã xóa sổ tính vào chi phí kỳ trước
- Khoản nợ phải trả nay mất chủ được ghi tăng thu nhập
- Thu các khoản thuế được giảm, được hoàn lại
- Các khoản thu khác

4.11 Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính được ghi nhận là tổng chi phí tài chính phát sinh trong kỳ (không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính).

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính
- Chi phí cho vay và đi vay vốn.
- Chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, dự phòng giảm giá chứng khoán, lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái.

4.12 Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành .

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh từ việc ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm, hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước.

VI- Thoâng tin boå sung cho caùc khoaûn muïc trình baøy trong Baûng caân ñoái keá toaùn

Ñôn vò tính: VNÑ

01- Tieàn	**31/3/2010**	**1/1/2010**
- Tieàn maët	6.271.312.811	746.195.171
- Tieàn göûi ngaân haøng	9.328.292.774	7.129.890.692
- Tieàn ñang chuyeån		
Coäng	**15.599.605.585**	**7.876.085.863**

02- Caùc khoaûn ñaàu tö taøi chính ngaén haïn	**31/3/2010**	**1/1/2010**
- Chöùng khoaùn ñaàu tö ngaén haïn		
*** Ñaàu tö coå phieáu**	**2.680.000.000**	**2.680.000.000**
Coå phieáu EIB	660.000.000	660.000.000
Coå phieáu SSI	1.355.000.000	1.355.000.000
Coå phieáu AAM	665.000.000	665.000.000
*** Döï phoøng giaûm giaù coå phieáu**	**(1.348.816.300)**	**(1.023.965.900)**
Coå phieáu EIB	(528.933.700)	(93.115.900)
Coå phieáu SSI	(326.250.000)	(736.250.000)
Coå phieáu AAM	(493.632.600)	(194.600.000)

03- Caùc khoaûn phaûi thu ngaén haïn khaùc	**31/3/2010**	**1/1/2010**
- Phaûi thu veà coå phaàn hoaù		
- Phaûi thu veà coå töùc vaø lôïi nhuaän ñöôïc chia		
- Phaûi thu ngöôøi lao ñoäng		
- Phaûi thu khaùc	10.357.834.104	10.308.450.234
Coäng	**10.357.834.104**	**10.308.450.234**

04- Haøng toàn kho	**31/3/2010**	**1/1/2010**
- Haøng mua ñang ñi ñöôøng		
- Nguyeân lieäu, vaät lieäu	39.869.094	16.778.184
- Coâng cuï, duïng cuï	35.454.546	35.454.546
- Chi phí SX, KD dôû dang	181.834.017.010	185.605.166.950
* Caùc döï aùn phaùt trieån khu ñoâ thò vaø caên hoä	162.078.451.674	169.996.245.976
* Caùc coâng trình xaây döïng giao thoâng	19.755.565.336	15.608.920.974
- Thaønh phaåm		
- Haøng hoaù		
- Haøng göûi ñi baùn		
- Haøng hoaù kho baûo thueá		
- Haøng hoaù baát ñoäng saûn		
Coäng giaù goác haøng toàn kho	**181.909.340.650**	**185.657.399.680**

* Giaù trò ghi soå cuûa haøng toàn kho duøng ñeå theá chaáp, caàm coá

ñaûm baûo caùc khoaûn nôï phaûi traû:……

* Giaù trò hoaøn nhaäp döï phoøng giaûm giaù haøng toàn kho trong naêm:…….

* Caùc tröôøng hôïp hoaëc söï kieän daãn ñeán

phaûi trích theâm hoaëc

hoaøn nhaäp döï phoøng giaûm giaù haøng toàn kho:……..

05- Thueá vaø caùc khoaûn phaûi thu Nhaø nöôùc	**31/3/2010**	**1/1/2010**
- Thueá thu nhaäp doanh nghieäp noäp thöøa		
- Caùc khoaûn phaûi thu Nhaø nöôùc		
* Thueá GTGT ñöôïc khaáu tröø	4.560.192.065	2.909.801.697
Coäng	**4.560.192.065**	**2.909.801.697**

06- Phaûi thu daøi haïn noäi boä	**31/3/2010**	**1/1/2010**
- Cho vay daøi haïn noäi boä		
- Phaûi thu daøi haïn noäi boä khaùc		-
Coäng	**-**	-

07- Phaûi thu daøi haïn khaùc	**31/3/2010**	**1/1/2010**
- Kyù quyõ, kyù cöôïc daøi haïn		
- Caùc khoaûn tieàn nhaän uyû thaùc		
- Cho vay khoâng coù laõi		
- Phaûi thu daøi haïn khaùc		
Coäng	**-**	

08- Taêng, giaûm taøi saûn coá ñònh höõu hình:

Khoaûn muïc	Nhaø cöûa, vaät kieán truùc	Maùy moùc, thieát bò	Phöông tieän vaän taûi, truyeàn daãn	Thieát bò thí nghieäm, duïng cuï quaûn lyù	TSCÑ höõu hình khaùc	Toång coäng
Nguyeân giaù TSCÑ höõu hình						
Soá dö ñaàu ky ø(1/1/2010)	***5.918.299.139***	***15.689.782.183***	***15.739.206.801***	***313.546.381***		***37.660.834.504***
- Mua trong kyø		1.384.716.318				*1.384.716.318*
- Ñaàu tö XDCB hoaøn thaønh						-
- Taêng khaùc						-
- Chuyeån sang baát ñoäng saûn ñaàu tö						-
- Thanh lyù, nhöôïng baùn						-
- Giaûm khaùc						
Soá dö cuoái kyø (31/3/2010)	***5.918.299.139***	***17.074.498.501***	***15.739.206.801***	***313.546.381***	**-**	***39.045.550.822***
Giaù trò hao moøn luyõ keá						-
Soá dö ñaàu kyø (1/1/2010)	***882.242.914***	***792.576.091***	***1.203.081.183***	***193.093.302***		***3.070.993.490***
- Khaáu hao trong naêm	52.791.685	409.657.296	367.372.284	10.207.685		*840.028.950*
- Taêng khaùc						-
- Chuyeån sang baát ñoäng saûn ñaàu tö						-
- Thanh lyù, nhöôïng baùn						-
- Giaûm khaùc						
Soá dö cuoái kyø (31/3/2010)	***935.034.599***	***1.202.233.387***	***1.570.453.467***	***203.300.987***	**-**	***3.911.022.440***
Giaù trò coøn laïi cuûa TSCÑ höõu hình						-
- Taïi ngaøy 1/1/2010	**5.036.056.225**	**14.897.206.092**	**14.536.125.618**	**120.453.079**	**-**	**34.589.841.014**
- Taïi ngaøy 31/3/2010	**4.983.264.540**	**15.872.265.114**	**14.168.753.334**	**110.245.394**	**-**	**35.134.528.382**

- Giaù trò coøn laïi cuoái naêm cuûa TSCÑ höõu hình ñaõ duøng ñeå theá chaáp, caàm coá ñaûm baûo caùc khoaûn vay:

- Nguyeân giaù TSCÑ cuoái naêm ñaõ khaáu hao heát nhöng vaãn coøn suû duïng:

- Nguyeân giaù TSCÑ cuoái naêm chôø thanh lyù:

- Caùc cam keát veà vieäc mua, baùn TSCÑ höõu hình coù giaù trò lôùn trong töông lai:

- Caùc thay ñoåi khaùc veà TSCÑ höõu hình:

09 - Taêng, giaûm taøi saûn coá ñònh thueâ taøi chính: Khoâng phaùt sinh

10- Taêng, giaûm taøi saûn coá ñònh voâ hình:

Khoaûn muïc	Quyeàn söû duïng ñaát	Quyeàn phaùt haønh	Baûn quyeàn, baèng saùng cheá	……..	TSCÑ voâ hình khaùc	Toång coäng
Nguyeân giaù TSCÑ voâ hình						
Soá dö ñaàu kyø 1/1/2010	*4.769.800.000*					*4.769.800.000*
- Mua trong naêm						-
- Taïo ra töø noäi boä doanh nghieäp						-
- Taêng do hôïp nhaát kinh doanh						-
- Taêng khaùc						-
- Thanh lyù, nhöôïng baùn						-
- Giaûm khaùc						-
Soá dö cuoái kyø 31/3/2010	*4.769.800.000*					*4.769.800.000*
Giaù trò hao moøn luyõ keá						-
Soá dö ñaàu naêm	-					-
- Khaáu hao trong naêm	-					-
- Taêng khaùc	-					-
- Thanh lyù, nhöôïng baùn	-					-
- Giaûm khaùc	-					-
Soá dö cuoái naêm	-					-
Giaù trò coøn laïi cuûa TSCÑ voâ hình						-
- Taïi ngaøy 1/1/2010	4.769.800.000					4.769.800.000

- Taïi ngaøy 31/3/2010	4.769.800.000					4.769.800.000

* Thuyeát minh soá lieäu vaø giaûi trình khaùc:

11- Chi phí xaây döïng cô baûn dôû dang	31/3/2010	1/1/2010
- Toång soá chi phí XDCB dôû dang:	6.450.573.993	
12- Taêng, giaûm baát ñoäng saûn ñaàu tö: Khoâng phaùt sinh		
13- Ñaàu tö daøi haïn khaùc	**31/3/2010**	**1/1/2010**
- Ñaàu tö coå phieáu		
- Ñaàu tö traùi phieáu		
- Ñaàu tö tín phieáu, kyø phieáu		
- Cho vay daøi haïn		
- Ñaàu tö daøi haïn khaùc		
* Coâng ty CP ÑT & XD Thaùi Bình döông	2.630.819.902	2.927.708.682
* Coâng ty CP ÑT & XDCT Mieàn ñoâng	3.040.928.088	3.128.987.318
* Coâng ty CP XDCT Vaøo Coû Taây	1.727.421.611	1.727.421.611
* Coâng ty CP Ñaàu tö vaø PTHT Kinh baéc	1.295.677.886	1.302.037.725
* Coâng ty CP Thieát keá & XD Trí Vieät	187.320.884	187.320.884
Coäng	**8.882.168.371**	**9.273.476.220**
14- Chi phí traû tröôùc daøi haïn	**31/3/2010**	**1/1/2010**
- Chi phí traû tröôùc veà thueâ hoaït ñoäng TSCÑ		
- Chi phí thaønh laäp doanh nghieäp		
- Chi phí nghieân cöùu coù giaù trò lôùn		
- Chi phí cho giai ñoaïn trieån khai khoâng ñuû tieâu chuaån		
ghi nhaän laø TSCÑ voâ hình		
- Chi phí traû tröôùc daøi haïn khaùc	10.586.891.471	5.893.568.024
Coäng	**10.586.891.471**	**5.893.568.024**
15- Vay vaø nôï ngaén haïn	**31/3/2010**	**1/1/2010**
- Vay ngaén haïn	**30.500.000.000**	**78.802.042.765**
* Vay caù nhaân	8.300.000.000	9.135.000.000
* Coâng ty Taøi chính cao su	92.000.000.000	37.500.000.000
* Ngaân haøng ÑT & PT Long an	10.000.000.000	10.000.000.000
* Ngaân haøng Noâng nghieäp & PNTT	5.200.000.000	5.567.042.765
* Ngaân haøng TMCP Nam Vieät	-	1.600.000.000
* Ngaân haøng Coâng thöông Vieät nam	15.000.000.000	15.000.000.000
- Nôï daøi haïn ñeán haïn traû	**43.340.938.323**	**46.690.938.323**
Coäng	**173.840.938.323**	**125.492.981.088**

16- Thueá vaø caùc khoaûn phaûi noäp Nhaø nöôùc	**31/3/2010**	**1/1/2010**
- Thueá giaù trò gia taêng	1.869.084.566	1.805.904.592
- Thueá tieâu thuï ñaëc bieät		
- Thueá xuaát, nhaäp khaåu		
- Thueá thu nhaäp doanh nghieäp	6.328.541.267	5.398.399.963

- Thueá thu nhaäp caù nhaân	30.210.228	43.056.900
- Thueá taøi nguyeân		
- Thueá nhaø ñaát vaø tieàn thueâ ñaát		
- Caùc loaïi thueá khaùc		
- Caùc khoaûn phí, leä phí vaø caùc khoaûn phaûi noäp khaùc		
Coäng	**8.227.836.061**	**7.247.361.455**

17- Chi phí phaûi traû	**31/3/2010**	**1/1/2010**
- Trích tröôùc chi phí tieàn löông trong thôøi gian nghæ pheùp		
- Chi phí söûa chöõa lôùn TSCÑ		
- Chi phí trong thôøi gian ngöøng kinh doanh		
- Chi phí phaûi traû khaùc	1.570.610.985	
Coäng	**1.570.610.985**	**-**

18- Caùc khoaûn phaûi traû, phaûi noäp ngaén haïn khaùc	**31/3/2010**	**1/1/2010**
- Taøi saûn thöøa chôø giaûi quyeát		
- Kinh phí coâng ñoaøn	14.288.282	36.487.446
- Baûo hieåm xaõ hoäi	15.134.051	36.369.324
- Baûo hieåm y teá	3.014.771	4.138.750
- Phaûi traû veà coå phaàn hoaù		
- Nhaän kyù cöôïc, kyù quyõ ngaén haïn		
- Caùc khoaûn phaûi traû, phaûi noäp khaùc	7.254.347.122	13.336.579.333
Coäng	**7.286.784.226**	**13.413.574.853**

19- Phaûi traû daøi haïn noäi boä	**31/3/2010**	**1/1/2010**
- Vay daøi haïn noäi boä		
- Phaûi traû daøi haïn noäi boä khaùc		
Coäng	**-**	**-**

20- Vay vaø nôï daøi haïn	**31/3/2010**	**1/1/2010**
a- Vay daøi haïn ngaân haøng	**80.182.558.243**	**76.042.813.323**
* Ngaân haøng ÑT & PT Long an	3.340.938.323	6.690.938.323
* Coâng ty Taøi chính cao su	52.500.000.000	48.400.000.000
* Ngaân haøng ÑT & PT Long an (USD)	3.941.619.920	
* Ngaân haøng Noâng nghieäp & PNTT	5.400.000.000	5.951.875.000
* Ngaân haøng Coâng thöông Vieät nam	15.000.000.000	15.000.000.000
- Traùi phieáu phaùt haønh	-	-
b- Nôï daøi haïn ñeán haïn traû	**(43.340.938.323)**	**(46.690.938.323)**
* Ngaân haøng ÑT & PT Long an	(3.340.938.323)	(6.690.938.323)
* Coâng ty Taøi chính cao su	(40.000.000.000)	(40.000.000.000)
Coäng	**36.841.619.920**	**29.351.875.000**
*** Doanh thu chöa thöïc hieän**	**11.624.090.366**	**-**

21- Taøi saûn thueá thu nhaäp hoaõïn laïi vaø thueá thu nhaäp hoaõn laïi phaûi traû :

Khoâng phaùt sinh

22- Voán chuû sôû höõu

a- Baûng ñoái chieáu bieán ñoäng cuûa voán chuû sôû höõu

	Voán ñaàu tö cuûa chuû sôû höõu	Thaëng dö voán coå phaàn	Voán khaùc	Quyõ ñaàu tö phaùt trieån	Quyõ döï phoøng taøi chính	Lôïi nhuaän chöa phaân phoái	Coäng
1	2	3	4	5	6	7	8
Soá dö ñaàu kyø	**100.147.530.000**	**64.808.506.000**	**33.538.148.384**	**5.647.487.275**	**2.004.673.064**	**24.673.552.274**	**230.819.896.997**
- Taêng voán trong kyø							**-**
- Lôïi nhuaän trong kyø						5.430.709.752	**5.430.709.752**
- Taêng khaùc							**-**
- Taêng do hôïp nhaát						195.857.846	**195.857.846**
-Trích laäp caùc quyõ				9.925.300.613	3.002.703.436	(12.928.004.049)	**-**
- Trích quyõ khen thöôûng , phuùc lôïi						(964.477.785)	**(964.477.785)**
- Thuø lao HÑQT							**-**
- Giaûm khaùc						(245.860.624)	**(245.860.624)**
Soá dö cuoái kyø	**100.147.530.000**	**64.808.506.000**	**33.538.148.384**	**15.572.787.888**	**5.007.376.500**	**16.161.777.414**	**235.236.126.186**

b- Chi tieát voán ñaàu tö cuûa chuû sôû höõu	**31/3/2010**	**1/1/2010**
- Voán goùp cuûa Nhaø nöôùc	5.250.000.000	5.250.000.000
- Voán goùp cuûa caùc ñoái töôïng khaùc	94.897.530.000	94.897.530.000
- Voán khaùc	33.538.148.384	33.538.148.384
Coäng	**133.685.678.384**	**133.685.678.384**
* Giaù trò traùi phieáu ñaõ chuyeån thaønh coå phieáu trong naêm		
* Soá löôïng coå phieáu quyõ		

c- Caùc giao dòch veà voán vôùi caùc chuû sôû höõu vaø phaân phoái	**31/3/2010**	**1/1/2010**
coå töùc, chia lôïi nhuaän		
- Voán ñaàu tö cuûa chuû sôû höõu	133.685.678.384	133.685.678.384
+ Voán goùp ñaàu kyø	133.685.678.384	113.035.843.592
+ Voán goùp taêng trong kyø		20.649.834.792
+ Voán goùp giaûm trong kyø		
+ Voán goùp cuoái kyø	133.685.678.384	133.685.678.384
- Coå töùc, lôïi nhuaän ñaõ chia	-	8.011.802.400

d- Coå töùc	**31/3/2010**	**1/1/2010**
- Coå töùc ñaõ coâng boá sau ngaøy keát thuùc kyø keá toaùn naêm:		
+ Coå töùc ñaõ coâng boá treân coå phieáu phoå thoâng:		
+ Coå töùc ñaõ coâng boá treân coå phieáu öu ñaõi:		
- Coå töùc cuûa coå phieáu öu ñaõi luyõ keá chöa ñöôïc ghi nhaän:		

ñ- Coå phieáu	**31/3/2010**	**1/1/2010**
- Soá löôïng coå phieáu ñaêng kyù phaùt haønh	15.000.000	15.000.000
- Soá löôïng coå phieáu ñaõ baùn ra coâng chuùng	-	-
+ Coå phieáu phoå thoâng		
+ Coå phieáu öu ñaõi		
- Soá löôïng coå phieáu ñöôïc mua laïi		
+ Coå phieáu phoå thoâng		
+ Coå phieáu öu ñaõi		
- Soá löôïng coå phieáu ñang löu haønh	10.014.753	10.014.753
+ Coå phieáu phoå thoâng	10.014.753	10.014.753
+ Coå phieáu öu ñaõi		
* Meänh giaù coá phieáu ñang löu haønh:	10.000	10.000

e- Caùc quyõ cuûa doanh nghieäp:	**21.960.109.831**	**8.166.627.997**
- Quyõ ñaàu tö phaùt trieån	15.572.787.888	5.647.487.275
- Quyõ döï phoøng taøi chính	5.007.376.500	2.004.673.064
- Quyõ khen thöôûng phuùc lôïi	1.379.945.443	514.467.658
* Muïc ñích trích laäp vaø söû duïng caùc quyõ cuûa doanh nghieäp		

g- Thu nhaäp vaø chi phí, laõi hoaëc loã ñöôïc ghi nhaän tröïc tieáp vaøo voán chuû sôû höõu

theo quy ñònh

cuûa caùc chuaån möïc keá toaùn cuï theå

23- Nguoàn kinh phí	**31/3/2010**	**1/1/2010**
- Nguoàn kinh phí ñöôïc caáp trong naêm		
- Chi söï nghieäp		
- Nguoàn kinh phí coøn laïi cuoái naêm		

24- Taøi saûn thueâ ngoaøi	**31/3/2010**	**1/1/2010**
(1) Giaù trò taøi saûn thueâ ngoaøi		
- TSCÑ thueâ ngoaøi		
- Taøi saûn khaùc thueâ ngoaøi		
(2) Toång soá tieàn thueâ toái thieåu trong töông lai cuûa hôïp		
ñoàng thueâ hoaït ñoäng taøi saûn khoâng huyû ngang theo caùc		
thôøi haïn		
- Töø 1 naêm trôû xuoáng		
- Treân 1 naêm ñeán 5 naêm		
- Treân 5 naêm		

IV- Thoâng tin boå sung cho caùc khoaûn muïc trình baøy trong Baùo caùo keát quaû hoaït ñoäng kinh doanh

Ñôn vò tính : VNÑ

	Kyø naøy **Töø 1/1/2010 - 31/3/2010**	**Kyø tröôùc** **Töø 1/1/2009 - 31/3/2009**
25- Toång doanh thu baùn haøng vaø cung caáp dòch vuï	**61.856.755.034**	**16.515.770.682**
(Maõ soá 01)		
Trong ñoù:		
- Doanh thu baùn haøng	**61.856.755.034**	**16.515.770.682**
* Doanh thu kinh doanh baát ñoäng saûn	38.387.686.390	
* Doanh thu thi coâng xaây laép	23.331.750.460	16.515.770.682
* Doanh thu thöông maïi	137.318.184	
- Doanh thu cung caáp dòch vuï		
- Doanh thu hôïp ñoàng xaây döïng (Ñoái vôùi doanh nghieäp		
coù hoaït ñoäng xaây laép)		
+ Doanh thu cuûa hôïp ñoàng xaây döïng ñuôïc ghi nhaän trong kyø;		
+ Toång doanh thu luyõ keá cuûa hôïp ñoàng xaây döïng ñöôïc ghi		
nhaän ñeán thôøi ñieåm laäp baùo caùo taøi chính;		

26- Caùc khoaûn giaûm tröø doanh thu (Maõ soá 02)	**Kyø naøy** **Töø 1/1/2010 - 31/3/2010**	**Kyø tröôùc** **Töø 1/1/2009 - 31/3/2009**
Trong ñoù:		
- Chieát khaáu thöông maïi		
- Giaûm giaù haøng baùn		

- Haûng baùn bò traû laïi
- Thueá GTGT phaûi noäp (phöông phaùp tröïc tieáp)
- Thueá tieâu thuï ñaëc bieät
- Thueá xuaát khaåu

27- Doanh thu thuaàn veà baùn haøng vaø cung caáp dòch vuï	**Kyø naøy**	**Kyø tröôùc**
	Töø 1/1/2010 - 31/3/2010	**Töø 1/1/2009 - 31/3/2009**
(Maõ soá 10)		
Trong ñoù:		
- Doanh thu thuaàn trao ñoåi saûn phaåm, haøng hoaù		
- Doanh thu thuaàn trao ñoåi dòch vuï		

28- Giaù voán haøng baùn (Maõ soá 11)	Kyø naøy	Kyø tröôùc
	Töø 1/1/2010 - 31/3/2010	**Töø 1/1/2009 - 31/3/2009**
- Giaù voán cuûa haøng hoaù ñaõ baùn	**52.935.122.261**	**15.838.857.784**
* Giaù voán kinh doanh baát ñoäng saûn	30.564.342.978	-
* Giaù voán thi coâng xaây laép xaây laép	22.239.461.101	15.838.857.784
* Giaù voán thöông maïi	131.318.182	
- Giaù voán cuûa thaønh phaåm ñaõ baùn		
- Giaù voán cuûa dòch vuï ñaõ cung caáp		
- Giaù trò coøn laïi, chi phí nhöôïng baùn, thanh lyù cuûa BÑS		
ñaàu tö ñaõ baùn		
- Chi phí kinh doanh Baát ñoäng saûn ñaàu tö		
- Hao huït, maát maùt haøng toàn kho		
- Caùc khoaûn chi phí vöôït möùc bình thöôøng		
- Döï phoøng giaûm giaù haøng toàn kho		
Coäng	**52.935.122.261**	**5.838.857.784**

29- Doanh thu hoaït ñoäng taøi chính (Maõ soá 21)	**Kyø naøy**	**Kyø tröôùc**
	Töø 1/1/2010 - 31/3/2010	**Töø 1/1/2009 - 31/3/2009**
- Laõi tieàn göûi, tieàn cho vay	36.584.011	124.376.868
- Laõi ñaàu tö traùi phieáu, kyø phieáu, tín phieáu		
- Coå töùc, lôïi nhuaän ñöôïc chia		
- Laõi baùn ngoaïi teä		
- Laõi cheânh leäch tyû giaù ñaõ thöïc hieän	4.826.641	
- Laõi cheânh leäch tyû giaù chöa thöïc hieän		
- Laõi baùn haøng traû chaäm		
- Doanh thu hoaït ñoäng taøi chính khaùc	459.278.403	
Coäng	**500.689.055**	**124.376.868**

30- Chi phí taøi chính (Maõ soá 22)	**Kyø naøy**	**Kyø tröôùc**
	Töø 1/1/2010 - 31/3/2010	**Töø 1/1/2009 - 31/3/2009**
- Laõi tieàn vay	628.615.262	
- Chieát khaáu thanh toaùn, laõi baùn haøng traû chaäm		
- Loã do thanh lyù caùc khoaûn ñaàu tö ngaén haïn, daøi		

haïn

- Loã do baùn ngoaïi teä		
- Laõi cheânh leäch tyû giaù ñaõ thöïc hieän	26.561.790	
- Laõi cheânh leäch tyû giaù chöa thöïc hieän		
- Döï phoøng giaûm giaù caùc khoaûn ñaàu tö ngaén haïn, daøi haïn	324.850.400	226.750.000
- Chi phí taøi chính khaùc	7.515.740	
Coäng	**987.543.192**	**226.750.000**

	Kyø naøy Töø 1/1/2010 - 31/3/2010	**Kyø tröôùc** Töø 1/1/2009 - 31/3/2009
31- Chi phí baùn haøng		
- Chi phí nhaân vieân	109.412.000	
- Chi phí vaät lieäu, bao bì		
- Chi phí duïng cuï, ñoà duøng		
- Chi phí khaáu hao TSCÑ	16.051.852	
- Chi phí baûo haønh		
- Chi phí dòch vuï mua ngoaøi	1.835.182	
- Chi phí baèng tieàn khaùc	113.267.311	
Coäng	**240.566.345**	**-**

	Kyø naøy Töø 1/1/2010 - 31/3/2010	**Kyø tröôùc** Töø 1/1/2009 - 31/3/2009
32- Chi phí quaûn lyù doanh nghieäp		
- Chi phí nhaân vieân quaûn lyù	641.091.636	252.067.093
- Chi phí vaät lieäu quaûn lyù	104.138.864	29.977.400
- Chi phí ñoà duøng vaên phoøng	9.377.016	
- Chi phí khaáu hao TSCÑ	101.923.650	106.899.480
- Thueá, phí vaø leä phí	188.622.926	34.450.960
- Chi phí döï phoøng		
- Chi phí dòch vuï mua ngoaøi	610.516.245	
-Chi phí khaùc baèng tieàn	590.840.741	
- Lôïi theá thöông maïi		
Coäng	**2.246.511.078**	**423.394.933**

	Kyø naøy Töø 1/1/2010 - 31/3/2010	**Kyø tröôùc** Töø 1/1/2009 - 31/3/2009
33- Thu nhaäp khaùc		
- Cho thueâ nhaø	54.012.510	
- Cho thueâ maùy	1.468.745.713	
- Khaùc	151.200.178	14.815.091
Coäng	**1.673.958.401**	**14.815.091**

	Kyø naøy Töø 1/1/2010 - 31/3/2010	**Kyø tröôùc** Töø 1/1/2009 - 31/3/2009

34- Chi phí khaùc	**601.235.860**	**21.054.151**
35- Thueá thu nhaäp doanh nghieäp		
- Chi phí thueá thu nhaäp doanh nghieäp tính treân thu nhaäp		
chòu thueá naêm hieän haønh		
* Hoaït ñoäng kinh doanh baát ñoäng saûn	1.358.194.267	
* Hoaït ñoäng thi coâng xaây laép vaø khaùc	396.911.672	15.279.254
- Ñieàu chænh chi phí thueá thu nhaäp doanh nghieäp cuûa caùc		
naêm tröôùc vaøo chi phí thueá thu nhaäp doanh nghieäp hieän		
haønh naêm nay		
- Toång chi phí thueá thu nhaäp doanh nghieäp hieän haønh		
Coäng	**1.755.105.939**	**15.279.254**

36- Chi phí thueá thu nhaäp doanh nghieäp hoaõn laïi	**Kyø naøy**	**Kyø tröôùc**
	Töø 1/1/2010 - 31/3/2010	**Töø 1/1/2009 - 31/3/2009**
(Maõ soá 52)		
- Chi phí thueá thu nhaäp doanh nghieäp hoaõn laïi phaùt sinh		
töø caùc khoaûn cheânh leäch taïm thôøi phaûi chòu thueá		
- Chi phí thueá thu nhaäp doanh nghieäp hoaõn laïi phaùt sinh		
töø vieäc hoaøn nhaäp taøi saûn thueá thu nhaäp hoaõn laïi		
- Thu nhaäp thueá thu nhaäp doanh nghieäp hoaõn laïi phaùt sinh		
töø caùc khoaûn cheânh leäch taïm thôøi ñöôïc khaáu tröø		
- Thu nhaäp thueá thu nhaäp doanh nghieäp hoaõn laïi phaùt		
sinh töø caùc khoaûn loã tính thueá vaø öu ñaõi thueá chöa söû duïng		
- Thu nhaäp thueá thu nhaäp doanh nghieäp hoaõn laïi phaùt sinh		
töø vieäc hoaøn nhaäp thueá thu nhaäp hoaõn laïi phaûi traû		
- Toång chi phí thueá thu nhaäp doanh nghieäp hoaõn laïi		
Coäng		

VII- Thoâng tin boå sung cho caùc khoaûn muïc trình baøy trong Baùo caùo löu chuyeån tieàn teä

34- Caùc giao dòch khoâng baèng tieàn aûnh höôûng ñeán baùo caùo löu chuyeån tieàn teä vaø caùc khoaûn
tieàn do doanh nghieäp naém giöõ nhöng khoâng ñöôïc söû duïng

	Kyø naøy	**Kyø tröôùc**
a- Mua taøi saûn baèng caùch nhaän caùc khoaûn nôï lieân quan	**Töø 1/1/2010 - 31/3/2010**	**Töø 1/1/2009 - 31/3/2009**
tröïc tieáp hoaëc thoâng qua nghieäp vuï cho thueâ taøi chính:		
- Mua doanh nghieäp thoâng qua phaùt haønh coå phieáu:		

- Chuyeån nôï thaønh voán chuû sôû höõu:

b- Mua vaø thanh lyù coâng ty con hoaëc ñôn vò kinh doanh

khaùc trong kyø baùo caùo

- Toång giaù trò mua hoaëc thanh lyù;
- Phaàn giaù trò mua hoaëc thanh lyù ñöôïc thanh toaùn baèng

tieàn vaø caùc khoaûn töông ñöông tieàn;
- Soá tieàn vaø caùc khoaûn töông ñöông tieàn thöïc coù trong

coâng ty con hoaëc ñôn vò kinh doanh khaùc ñöôïc mua hoaëc

thanh lyù;
- Phaàn giaù trò taøi saûn (Toång hôïp theo töøng loaïi taøi saûn)

vaø nôï phaûi traû khoâng phaûi laø tieàn vaø caùc khoaûn töông

ñöông tieàn trong coâng ty con hoaëc ñôn vò kinh doanh

khaùc ñöôïc mua hoaëc thanh lyù trong kyø.

VIII- Nhöõng thoâng tin khaùc

1. Thoâng tin caùc beân lieân quan

1.1 Ñaàu tö vaøo Coâng ty con:

- Coâng ty Coå phaàn Indeco toång voán tö laø 300.000.000.000 ñ, trong ñoù Coâng ty ñaàu tö vôùi soá voán

153.000.000.000 ñ, chieám tyû leä 51%, soá voán thöïc goùp taïi ngaøy 31/3/2010 laø : 6.188.799.250 ñoàng.

- Coâng ty TNHH XD vaø Du lòch Maïnh ñaït , toång soá voán 80.000.000.000 ñ, trong ñoù Coâng ty ñaàu

tö vôùi soá voán 50.000.000.000 ñ , chieám tyû leä 62,5% , soá voán thöïc goùp taïi ngaøy 31/3/2010 laø 20.580.392.909 ñoàng .

1.2 Ñaàu tö vaøo Coâng ty lieân keát:

- Coâng ty Coå phaàn Xaây döïng Mieàn ñoâng , toång voán ñaàu tö 5.000.000.000 ñ, trong ñoù Coâng ty ñaàu tö

vôùi soá voán 2.450.000.000 ñoàng, chieám tyû leä 49% . Taïi ngaøy 31/3/2010 Coâng ty ñaõ goùp ñuû .

- Coâng ty Coå phaàn Ñaàu tö vaø Phaùt trieån Haï taàng Kinh baéc , toång voán ñaàu tö 7.000.000.000 ñoàng,

trong ñoù Coâng ty goùp voán 3.430.000.000 , chieám tyû leä 49% , soá voán thöïc goùp taïi ngaøy 31/3/2010 laø

1.536.364.950 ñoàng .

- Coâng ty Coå phaàn Vaøm Coû Taây, toång voán ñaàu tö 5.000.000.000 ñoàng, trong ñoù coâng ty ñaàu tö

2.450.000.000 ñoàng, chieám tyû leä 49%, thöïc goùp ñeán 31/3/2010 laø 1.723.307.905 ñoàng .

- Coâng ty Coå phaàn Ñaàu tö vaø Xaây döïng Thaùi Bình döông, toång voán ñaàu tö 12.000.000.000

ñoàng

trong ñoù Coâng ty goùp voán 2.400.000.000, chieám tyû leä 20%, taïi ngaøy 31/3/2010 Coâng ty ñaõ goùp ñuû .

- Coâng ty Coå phaàn Thieát keá vaø Xaây döïng Trí Vieät , toång soá voán ñaàu tö 1.000.000.000 ñoàng, trong ñoù
Coâng ty ñaàu tö vôùi soá voán 300.000.000 ñoàng, chieám tyû leä 20%, taïi ngaøy 31/3/2010 Coâng ty ñaõ goùp laø
150.000.000 ñoàng.

2. Giao dòch vôùi caùc beân lieân quan

- Coâng ty Coå phaàn Xaây döïng Mieàn ñoâng	
Mua haøng hoùa, dòch vuï	117.864.192
Baùn haøng hoùa, dòch vuï	3.586.261.300
Coå töùc ñöôïc chia	367.500.000
- Coâng ty coå phaàn Ñaàu tö vaø Phaùt trieån Haï taàng Kinh Baéc	
Mua haøng hoùa vaø dòch vuï	1.136.512.391
Baùn haøng hoùa, dòch vuï	67.436.600
- Coâng ty Coå phaàn Ñaàu tö vaø Xaây döïng Thaùi Bình Döông	
Mua haøng hoùa, dòch vuï	11.973.969.880
Baùn haøng hoùa, dòch vuï	272.705.052
Coå töùc ñöôïc chia	360.000.000

Cổ tức được chia	22.500.000
- Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình Vàm Cỏ Tây	
Mua hàng hóa, dịch vụ	3.997.132.610
Bán hàng hóa, dịch vụ	1.266.628.201

3. Số dư công nợ với các bên liên quan

- Công ty Cổ phần Xây dựng Miền đông	Phải thu	11.780.855.373
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Hạ tầng Kinh Bắc	Phải trả	402.918.478
- Công ty Cổ phần Thiết Kế và Xây dựng Trí Việt	Phải trả	79.295.000
- Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình Vàm Cỏ Tây	Phải thu	623.000.687
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Thái Bình Dương	Phải thu	11.070.792.043

Lập, ngày 15 tháng 5 năm 2010

NGƯỜI LẬP BIỂU	KẾ TOÁN TRƯỞNG	TỔNG GIÁM ĐỐC
Phạm Thị Lan Hương	Tô Thị Thúy Hà	PHẠM ĐỨC TẤN